

1. Nếu GDP bình quân thực tế của năm 2000 là 18,073\$ và GDP bình quân thực tế của năm 2001 là

18,635\$ thì tỷ lệ tăng trưởng của sản lượng thực tế trong thời kỳ này là bao nhiêu?

A.3.0% B.3.1% C . 5.62% D.18.0% E.18.6%

2. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao, nên:

A. Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất B . Giảm chi ngân sách và tăng thuế

C . Các lựa chọn đều sai D. Các lựa chọn đều đúng

3. Mức sống của chúng ta liên quan nhiều nhất đến:

A.Mức độ làm việc chăm chỉ của chúng ta

B . Nguồn cung tư bản của chúng ta, vì tất cả những gì có giá trị đều do máy móc sản xuất ra

C .Nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta, vì chúng giới hạn sản xuất

D. Năng suất của chúng ta, vì thu nhập của chúng ta bằng chính những gì chúng ta sản xuất ra.

4. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở:

A. Mục đích sử dụng B. Thời gian tiêu thụ

C. Độ bền trong quá trình sử dụng D. Các lựa chọn đều đúng

5. Ngân hàng Trung Ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách:

A. Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ B. Mua hoặc bán ngoại tệ

C. Cả hai lựa chọn đều đúng D. Cả hai lựa chọn đều sai

6. Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng lao động:

A Học sinh trường trung học chuyên nghiệp B Người nội trợ

C Bộ đội xuất ngũ D Sinh viên năm cuối

7. Hoạt động nào sau đây của ngân hàng Trung Ương sẽ làm tăng cơ sở tiền tệ

A Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối

B Cho các ngân hàng thương mại vay

C Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại

D Tăng lãi suất chiết khấu

8. Những yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại của một nước:

- A Đồng nội tệ xuống giá so với đồng ngoại tệ
- B Sự gia tăng của đầu tư trực tiếp nước ngoài
- C Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng
- D Các lựa chọn đều sai

9. Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn:

- A Thu nhập quốc gia tăng B Xuất khẩu tăng
- C Tiền lương tăng D Đổi mới công nghệ

10. Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra những áp lực lạm phát

- A Cán cân thanh toán thặng dư trong một thời gian dài
- B Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
- C Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
- D Các lựa chọn đều đúng.

11. GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

- A Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- B Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- C Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- D Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc

12. Nếu NHTƯ giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu thì khối lượng tiền tệ sẽ:

- a. Tăng b. Giảm c. Không đổi d. Không thể kết luận

13: Trên đồ thị, trục hoành ghi sản lượng quốc gia, trục tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu

AD dịch sang phải khi:a. Nhập khẩu và xuất khẩu tăng b. Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng

- c. Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế d. Các lựa chọn đều đúng

14: Trên đồ thị, trục hoành ghi sản lượng quốc gia, trục tung ghi mức giá chung, đường tổng cung AS dịch chuyển khi:

- a. Mức giá chung thay đổi
- b. Chính phủ thay đổi các khoản chi ngân sách
- c. Thu nhập quốc gia không đổi
- d. Công nghệ sản xuất có những thay đổi đáng kể

15: Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn:

- a. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- b. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- c. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi, bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

16: Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể, tốc độ tăng giá trong nước tăng nhanh

hơn giá thế giới, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ:

- a. tăng
- b. giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể kết luận

17: Khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng, nếu các yếu tố khác không đổi, Việt Nam sẽ:

- a. Thặng dư hoặc thâm hụt cán cân thanh toán
- b. Tăng xuất khẩu ròng
- c. Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- d. Các lựa chọn đều đúng

18: Nếu các yếu tố khác không đổi, lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ:

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. không thay đổi
- d. Không thể thay đổi

19: Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng. Giả sử lãi suất, giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi, nếu chính

phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau, trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi:

- a. Từ suy thoái sang lạm phát
- b. Từ suy thoái sang ổn định
- c. Từ ổn định sang lạm phát
- d. Từ ổn định sang suy thoái

20: Tác động ngắn hạn của chính sách nới lỏng tiền tệ trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối

đoái thả nổi là:

- a. Sản lượng tăng
- b. Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thương mại
- c. Đồng nội tệ giảm giá
- d. Các lựa chọn đều đúng.

21: Một nền kinh tế trong trạng thái toàn dụng nhân công có nghĩa là:

- a. Không còn lạm phát nhưng có thể còn thất nghiệp
- b. Không còn thất nghiệp nhưng có thể còn lạm phát
- c. Không còn thất nghiệp và không còn lạm phát
- d. Vẫn còn một tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp nhất định

22: Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định, muốn triệt tiêu lượng dư cung ngoại tệ, NHTƯ phải:

- a. Dùng ngoại tệ để mua nội tệ
- b. Dùng nội tệ để mua ngoại tệ
- c. Không can thiệp vào thị trường ngoại hối
- d. Các lựa chọn đều sai

23: Tỷ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng đến

- a. Cán cân thương mại
- b. Cán cân thanh toán
- c. Sản lượng quốc gia
- d. Các lựa chọn đều đúng

24: Theo lý thuyết của Keynes, những chính sách nào sau đây thích hợp nhất nhằm giảm tỷ lệ thất

nghiệp:

- a. Giảm thuế và gia tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- b. Tăng thuế và giảm số mua hàng hóa của chính phủ
- c. Tăng thuế thu nhập và tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- d. Phá giá, giảm thuế và giảm số mua hàng hóa của chính phủ

25: Chính sách nào của chính phủ sẽ làm kinh tế tăng trưởng nhiều nhất

- a. giảm thuế thu nhập từ tiết kiệm, cung cấp tín dụng thuế đầu tư, và giảm thâm hụt
- b. giảm thuế thu nhập từ tiết kiệm, cung cấp tín dụng thuế đầu tư, và tăng thâm hụt
- c. tăng thuế thu nhập từ tiết kiệm, cung cấp tín dụng thuế đầu tư, và giảm thâm hụt
- d. tăng thuế thu nhập từ tiết kiệm, cung cấp tín dụng thuế đầu tư, và tăng thâm hụt

26: Nếu những người cho vay và đi vay thống nhất về một mức lãi suất danh nghĩa nào đó và lạm phát trong thực tế lại thấp hơn so với mức mà họ kỳ vọng thì:

- a. Người đi vay sẽ được lợi và người cho vay bị thiệt
- b. Người cho vay được lợi và người đi vay bị thiệt

c. Cả người đi vay và người cho vay đều không được lợi vì lãi suất danh nghĩa được cố định theo

hợp đồng

d. Các lựa chọn đều không đúng

27: Hàm số tiêu dùng: $C = 20 + 0,9 Y$ (Y : thu nhập). Tiết kiệm S ở mức thu nhập khả dụng 100 là:

a. $S = 10$ b. $S = 0$ c. $S = -10$ d. Không thể tính được

28: Tác động “hắt ra” (hay còn gọi là tác động lấn át) của chính sách tài chính là do:

a. Tăng chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn tới tăng đầu tư, làm tăng hiệu lực kích thích

tổng cầu

b. Tăng chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn tới giảm đầu tư, làm giảm hiệu lực kích thích tổng cầu

c. Giảm chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn tới giảm đầu tư, làm giảm hiệu lực kích

thích tổng cầu

d. Giảm chi tiêu của chính phủ, làm giảm lãi suất, dẫn tới tăng đầu tư, làm tăng hiệu lực kích

thích tổng cầu

29: Theo lý thuyết xác định sản lượng (được minh họa bằng đồ thị có đường 450), nếu tổng chi tiêu

kế hoạch (tổng cầu dự kiến) lớn hơn GDP thực (hoặc sản lượng) thì:

a. Các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để giải phóng thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

b. Các doanh nghiệp sẽ tăng hoặc giảm sản lượng tùy theo tình hình tồn kho thực tế là ít hơn

hay nhiều hơn mức tồn kho dự kiến

c. Các doanh nghiệp sẽ không thay đổi sản lượng vì tồn kho thực tế đã bằng mức tồn kho dự kiến

d. Các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng để bổ sung tồn kho cho đủ mức tồn kho dự kiến.

30: Mở rộng tiền tệ (hoặc nói lỏng tiền tệ):

a. Là một chính sách do NHTƯ thực hiện để kích cầu bằng cách giảm thuế, tăng trợ cấp xã hội,

hoặc tăng chi tiêu ngân sách

b. Là một chính sách do NHTƯ thực hiện để kích cầu bằng cách tăng lãi suất chiết khấu, tăng tỷ

lệ dự trữ bắt buộc, hoặc bán ra chứng khoán nhà nước

c. Là một chính sách do NHTƯ thực hiện để kích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết khấu, giảm

tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hoặc mua các chứng khoán nhà nước

d. Là một chính sách do NHTƯ thực hiện để kích cầu bằng cách phát hành trái phiếu chính phủ

31: Sản lượng tiềm năng (sản lượng toàn dụng) là mức sản lượng:

a. mà tại đó nếu tăng tổng cầu thì lạm phát sẽ tăng nhanh

b. mà tại đó nền kinh tế còn tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất

c. tối đa của nền kinh tế

d. các lựa chọn đều đúng

32: Giả định lãi suất là 8%. Nếu phải lựa chọn giữa 100\$ ngày hôm nay và 116\$ ngày này hai năm sau, bạn sẽ chọn:

a. 100\$ ngày hôm nay b. 116\$ ngày này 2 năm sau

c. Không có gì khác biệt giữa hai phương án trên d. Không chọn phương án nào

33: Khoản mục nào sau đây không được tính vào GDP của năm 1989? Doanh thu của:

a. Một chiếc xe Honda sản xuất năm 1989 ở Tennessee

b. Dịch vụ cắt tóc

c. Dịch vụ của nhà môi giới bất động sản

d. Một ngôi nhà được xây dựng năm 1988 và được bán lần đầu tiên trong năm 1989

e. Tất cả các lựa chọn đều được tính vào GDP năm 1989
34: Nếu một người thợ giày mua một miếng da trị giá 100\$, một cuộn chỉ trị giá 50\$, và sử dụng chúng để sản xuất và bán những đôi giày trị giá 500\$ cho người tiêu dùng, giá trị đóng góp vào GDP là:

a. 50\$ b. 100\$ c. 500\$ d. 600\$ e. 650\$

35: Nếu GDP lớn hơn GNP của Việt Nam thì:

- a. Người nước ngoài đang sản xuất ở Việt Nam nhiều hơn so với người Việt Nam đang sản xuất ở nước ngoài
- b. Người VN đang sản xuất ở nước ngoài nhiều hơn so với người nước ngoài đang sản xuất ở VN
- c. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
- d. GNP thực tế lớn hơn GNP danh nghĩa
- e. Giá trị hàng hóa trung gian lớn hơn giá trị hàng hóa cuối cùng

36: Khoản chi tiêu 40.000\$ mua một chiếc xe BMW được sản xuất tại Đức của bạn được tính vào

GDP của Mỹ như thế nào:

- a. đầu tư tăng 40.000\$ và xuất khẩu ròng tăng 40.000\$
- b. tiêu dùng tăng 40.000\$ và xuất khẩu ròng giảm 40.000\$
- c. xuất khẩu ròng giảm 40.000\$
- d. xuất khẩu ròng tăng 40.000\$
- e. không có tác động nào vì giao dịch này không liên quan đến sản xuất trong nước

36: Bạn đang xem bản tin thời sự với bố bạn. Bản tin cho thấy rằng một quốc gia Caribbean nào đó đang gặp khủng hoảng và chỉ có mức GDP/người là 300\$/năm. Do bố của bạn biết rằng GDP/người của Mỹ xấp xỉ vào khoảng 30.000\$ nên ông cho rằng, về cơ bản Mỹ đang khá giả hơn gấp 100 lần so với quốc gia Caribbean đó. Lời bình luận của bố bạn:

- a. Đúng b. Sai

37: Lạm phát có thể được đo lường bằng tất cả các chỉ số sau đây trừ:

- a. Chỉ số điều chỉnh GDP b. Chỉ số giá tiêu dùng
- c. Chỉ số giá sản xuất d. Chỉ số giá hàng hóa thành phẩm
- e. Tất cả các lựa chọn đều được sử dụng để đo lường lạm phát

38: CPI sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi sự gia tăng 10% giá cả của mặt hàng tiêu dùng nào sau đây:

- a. Nhà ở

- b. Giao thông
- d. Thực phẩm và đồ uống
- c. Chăm sóc y tế
- e. Tất cả các lựa chọn đều có cùng một tác động

39: “Giỏ hàng hóa” được sử dụng để tính CPI bao gồm:

- a. Nguyên vật liệu thô được mua bởi các doanh nghiệp
- b. Tất cả các sản phẩm hiện hành
- c. Các sản phẩm được mua bởi người tiêu dùng điển hình
- d. Tất cả các sản phẩm tiêu dùng
- e. Các lựa chọn đều sai.

40: Do sự gia tăng giá xăng khiến cho người tiêu dùng đi xe đạp nhiều hơn và đi xe hơi ít hơn, nên CPI có xu hướng ước tính không đầy đủ chi phí sinh hoạt.

- a. Đúng b. Sai

41: Sự gia tăng giá kim cương sẽ gây ra một tác động lớn hơn đối với CPI so với sự thay đổi cùng tỷ lệ phần trăm của giá thực phẩm, bởi vì kim cương đắt hơn nhiều

- a. Đúng b. Sai

42: Để thúc đẩy tăng trưởng, chính phủ không nên làm gì sau đây:

- a. thúc đẩy thương mại tự do b. khuyến khích tiết kiệm và đầu tư
- c. kiểm soát sự gia tăng dân số d. khuyến khích nghiên cứu và triển khai công nghệ
- e. quốc hữu hóa các ngành quan trọng

43: Thước đo hợp lý đối với mức sống của một nước là:

- a. GDP thực bình quân đầu người b. GDP thực
- c. GDP danh nghĩa bình quân đầu người d. GDP danh nghĩa
- e. Tỷ lệ tăng trưởng của GDP danh nghĩa bình quân đầu người

44: Nhiều nước Đông Á đang tăng trưởng rất nhanh vì:

- a. Họ có nguồn tài nguyên dồi dào
- b. Họ là các nước đế quốc và đã vơ vét được của cải từ chiến thắng trước đây trong chiến tranh

- c. Họ đã giành một tỷ lệ rất lớn của GDP cho tiết kiệm và đầu tư
- d. Họ đã luôn luôn giàu có và sẽ tiếp tục giàu có, điều này vẫn được biết đến như là “nước chảy chỗ trũng”
- e. Không có câu trả lời nào đúng

45: Khi một nước có GDP bình quân rất nhỏ:

- a. Nước này phải chịu số mệnh nghèo mãi mãi
- b. Nước này chắc hẳn là một nước nhỏ
- c. Nước này có tiềm năng tăng trưởng tương đối nhanh nhờ “hiệu ứng bất kịp”
- d. Một sự tăng lên về tư bản có thể sẽ có ảnh hưởng tới sản lượng
- e. Không có câu trả lời đúng

46: Khi một nước giàu có,

- a. nước này hầu như không thể nghèo đi một cách tương đối
- b. Nước này sẽ khó có thể tăng trưởng nhanh chóng do quy luật lợi tức giảm dần đối với tư bản
- c. Tư bản trở nên có năng suất hơn nhờ “hiệu ứng bất kịp”
- d. Nước này không cần vốn nhân lực nữa
- e. Không câu trả lời nào đúng

47: Nếu hai nước cùng khởi đầu với mức GDP bình quân đầu người như nhau, và một nước tăng trưởng với tốc độ 2%/năm còn một nước tăng trưởng 4%/năm

- a. GDP bình quân của một nước sẽ luôn lớn hơn GDP bình quân của nước còn lại 2%
- b. Mức sống của nước có tốc độ tăng trưởng 4% sẽ tăng dần khoảng cách với mức sống của nước tăng trưởng chậm hơn do tăng trưởng kép
- c. Mức sống của hai nước sẽ gặp nhau do quy luật lợi suất giảm dần đối với tư bản
- d. Năm sau, kinh tế của nước tăng trưởng 4% sẽ lớn gấp hai lần nước tăng trưởng 2%.

48: Chi phí cơ hội của tăng trưởng là:

- a. sự giảm sút về đầu tư hiện tại b. sự giảm sút về tiết kiệm hiện tại
- c. sự giảm sút về tiêu dùng hiện tại d. sự giảm sút về thuế

49: Sự gia tăng nhân tố nào sau đây không làm tăng năng suất của một quốc gia

- a. Vốn nhân lực/ công nhân
- b. Tư bản vật chất/ công nhân
- c. Tài nguyên thiên nhiên/ công nhân
- d. Lao động
- e. Tri thức công nghệ

50: Câu nhận định nào trong số các câu sau là đúng?

- a. Các nước có thể có mức GDP bình quân khác nhau nhưng đều tăng trưởng với tỷ lệ như nhau
- b. Các nước có thể có tỷ lệ tăng trưởng khác nhau nhưng mức GDP bình quân của mỗi nước là như nhau
- c. Các nước đều có tốc độ tăng trưởng và mức sản lượng như nhau vì mỗi nước đều có được các nhân tố sản xuất giống nhau
- d. Mức GDP bình quân cũng như tốc độ tăng trưởng của các nước có sự khác nhau lớn, và theo thời gian, các nước nghèo có thể trở nên giàu một cách tương đối.

51: Một giám đốc bị mất việc do công ty làm ăn thua lỗ. Ông ta nhận được khoản trợ cấp thôi việc 50 triệu đồng thay vì tiền lương 100 triệu Đ/năm trước đây. Vợ ông ta bắt đầu đi làm với mức lương 10 triệu Đ/năm. Con gái ông ta vẫn làm công việc như cũ, nhưng tăng thêm khoản đóng góp cho bố mẹ 5 triệu Đ/Năm. Phần đóng góp của gia đình này vào tổng thu nhập quốc dân trong năm sẽ giảm đi:

- a. 50 triệu Đ
- b. 65 triệu Đ
- c. 75 triệu Đ
- d. 85 triệu Đ
- e. 90 triệu Đ

52: Điều nào sau đây sẽ khiến cho CPI tăng nhiều hơn so với chỉ số điều chỉnh GDP?

- a. Tăng giá xe đạp Thống Nhất
- b. Tăng giá xe tăng do Bộ Quốc Phòng mua
- c. Tăng giá máy bay chiến đấu sản xuất trong nước và được bán cho Lào
- d. Tăng giá xe máy Spacy được sản xuất ở Nhật và bán ở Việt Nam

e. Tăng giá máy kéo hiệu Bông Sen.

53: Bảng dưới đây giả định nền kinh tế chỉ có hai loại hàng tiêu dùng là sách và bút. Sử dụng thông tin trong bảng với năm cơ sở là năm 2000

Năm	Giá sách (Nghìn Đ)	Lượng sách (cuốn)	Giá bút (Nghìn Đ)	Lượng bút (Cái)
2000	2	100	1	100
2001	2,5	90	0,9	120
2002	2,75	105	1	130

CPI của các năm 2000, 2001, 2002 lần lượt là:

- a. 100; 111; 139,6
 b. 100; 109,2; 116
 c. 100; 113,3; 125
 d. 83,5; 94,2; 100

54: Bảng dưới đây giả định nền kinh tế chỉ có hai loại hàng tiêu dùng là sách và bút. Sử dụng thông tin trong bảng với năm cơ sở là năm 2000

Năm	Giá sách (Nghìn Đ)	Lượng sách (cuốn)	Giá bút (Nghìn Đ)	Lượng bút (Cái)
2000	2	100	1	100
2001	2,5	90	0,9	120
2002	2,75	105	1	130

Tỷ lệ lạm phát của năm 2001 là:

- a. 0%
 b. 9,2%
 c. 11%
 d. 13,3%

55: Bảng dưới đây giả định nền kinh tế chỉ có hai loại hàng tiêu dùng là sách và bút. Sử dụng thông tin trong bảng với năm cơ sở là năm 2000

Năm	Giá sách (Nghìn Đ)	Lượng sách (cuốn)	Giá bút (Nghìn Đ)	Lượng bút (Cái)
2000	2	100	1	100
2001	2,5	90	0,9	120
2002	2,75	105	1	130

Tỷ lệ lạm phát của năm 2002 là:

- a. 0%
 b. 10,3%
 c. 11%
 d. 13,3%

56: Bảng dưới đây giả định nền kinh tế chỉ có hai loại hàng tiêu dùng là sách và bút. Sử dụng thông tin trong bảng với năm cơ sở là năm 2000

Năm	Giá sách (Nghìn Đ)	Lượng sách (cuốn)	Giá bút (Nghìn Đ)	Lượng bút (Cái)
2000	2	100	1	100
2001	2,5	90	0,9	120
2002	2,75	105	1	130

Giả sử thay đổi năm cơ sở thành 2002. Giá trị mới của CPI trong năm 2001:

- a. 90
- b. 100
- c. 114,7
- d. 134,3

57: Nếu CPI của năm 1995 là 136,5 và tỉ lệ lạm phát của năm 1995 là 5% thì CPI của năm 1994 là:

- a. 135
- b. 125
- c. 131,5
- d. 130
- e. 105

58: Giả sử thu nhập của bạn tăng từ 19 triệu lên 31 triệu Đ. Trong giai đoạn đó CPI tăng từ 122 lên 169. Nhìn chung mức sống của bạn đã:

a. Giảm b. Tăng c. Không đổi d. Không thể kết luận vì không biết năm cơ sở. 59: Giả sử không có Chính phủ và ngoại thương nếu tiêu dùng tự định là 30, đầu tư là 40, $MPS =$

0,1. Mức sản lượng cân bằng là:

- a. Khoảng 77 b. 430 c. 700 d. 400

60: Nếu có một sự giảm sút trong đầu tư của tư nhân 10 tỷ $MPC = 0,75$ mức sản lượng sẽ:

- a. Giảm xuống 40 tỷ
- b. Tăng 40 tỷ

c. Giảm xuống 13,33%

d. Tăng lên 13,33%

61: Khi nền kinh tế đạt được mức toàn dụng, điều đó có nghĩa là:

a. Không còn lạm phát b. Không còn thất nghiệp

c. Vẫn còn tồn tại một tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp d. Các lựa chọn đều sai

62: Cho biết: $K=1/(1-MPC)$. Đây là số nhân trong:

a. Nền kinh tế đóng, không có Chính phủ b. Nền kinh tế đóng, có Chính phủ

c. Nền kinh tế mở d. Các lựa chọn đều có thể đúng

63: Các nhà kinh tế học cổ điển cho rằng đường tổng cung AS:

a. Thẳng đứng tại mức sản lượng tiềm năng b. AS nằm ngang

c. AS dốc lên d. AS nằm ngang khi $Y < Y_P$ và thẳng đứng khi $Y = Y_P$

64: Khi cung tiền và cầu tiền được biểu diễn bằng một đồ thị với trục tung là lãi suất và trục hoành

là lượng tiền, mức giá tăng:

a. Làm dịch chuyển đường cầu tiền sang phải và làm tăng lãi suất cân bằng

b. Làm dịch chuyển đường cầu tiền sang trái và làm tăng lãi suất cân bằng

c. Làm dịch chuyển đường cầu tiền sang phải và làm giảm lãi suất cân bằng

d. Làm dịch chuyển đường cầu tiền sang trái và làm giảm lãi suất cân bằng

e. Các lựa chọn đều sai

65: Khi cung tiền và cầu tiền được biểu diễn bằng một đồ thị với trục tung là lãi suất và trục hoành

là lượng tiền, sự cắt giảm thu nhập làm:

- a. Dịch chuyển đường cầu tiền sang phải và làm tăng lãi suất cân bằng
- b. Dịch chuyển đường cầu tiền sang trái và làm tăng lãi suất cân bằng
- c. Dịch chuyển đường cầu tiền sang phải và làm giảm lãi suất cân bằng
- d. Dịch chuyển đường cầu tiền sang trái và làm giảm lãi suất cân bằng

66: Yếu tố nào trong các yếu tố sau đây ít có khả năng nhất trong việc kích thích sự gia tăng đầu

tư:

- a. Lãi suất giảm b. Chi tiêu cho tiêu dùng tăng
- c. Cạn kiệt hàng tồn kho d. Nhập khẩu tăng e. Tiến bộ công nghệ

67: Theo lý thuyết của Keynes kết hợp chính sách nào trong các chính sách sau đây thích hợp nhất

đối với một Chính phủ đang cắt giảm thất nghiệp:

- a. Cắt giảm thuế & tăng chi tiêu của Chính phủ
- b. Phá giá, tăng thuế & cắt giảm chi tiêu của Chính phủ
- c. Tăng thuế thu nhập & tăng chi tiêu của Chính phủ
- d. Phá giá, giảm thuế & giảm chi tiêu của Chính phủ

68: Một sự gia tăng trong nhập khẩu tự định sẽ:

- a. Dịch chuyển đường LM sang phải b. Dịch chuyển đường IS sang phải
- c. Dịch chuyển đường IS sang trái d. Không ảnh hưởng đến đường IS

69: Trên đồ thị, điểm cân bằng chung là giao điểm của đường IS và đường LM, biết rằng đầu tư

hoàn toàn không co giãn theo lãi suất, chính sách tài khóa sẽ:

- a. Ảnh hưởng nhiều hơn nếu áp dụng riêng rẽ
- b. Không ảnh hưởng

- c. Ảnh hưởng nhiều hơn nếu nó được kết hợp với chính sách mở rộng tiền tệ
- d. Không có câu nào đúng

70: Mô hình tăng trưởng Solow:

- a. Mô tả quá trình sản xuất, phân phối và phân bổ sản lượng của nền kinh tế tại một thời điểm nhất định.
- b. Chỉ ra rằng tỷ lệ tiết kiệm là yếu tố then chốt quyết định khối lượng tư bản ở trạng thái dừng .
- c. Giả định lao động và công nghệ không thay đổi.

71: Trong trạng thái dừng, đầu tư bằng khấu hao. Vậy, tiêu dùng ở trạng thái dừng sẽ bằng:

- a. Sản lượng trừ khấu hao
- b. Sản lượng trừ tiết kiệm
- c. Tiết kiệm cộng khấu hao

72: Hạng mục nào dưới đây không nằm trong cách tính GNP

- a. Lương giáo viên phổ thông
- b. Chi tiêu trợ cấp xã hội
- c. Công việc nội trợ được chi trả trong nước
- d. Giá trị thỏa mãn của việc giải trí nghỉ ngơi
- e. chi tiêu trợ cấp xã hội và giá trị thỏa mãn của việc giải trí nghỉ ngơi

73: Định nghĩa nào dưới đây miêu tả chính xác nhất nợ quốc gia?

- a. Chênh lệch hàng năm giữa chi tiêu Chính phủ với mức thuế thu được
- b. Số lượng tiền VNĐ nợ IMF
- c. Phần tích lũy thâm hụt cán cân thanh toán thực tế của Việt Nam
- d. Phần tích lũy thâm hụt ngân sách thực tế của Việt Nam
- e. Tổng số nợ nước ngoài đang tồn đọng của nước Việt Nam

74: Trong một nền kinh tế mở có sự can thiệp của Chính phủ, điều kiện nào sau đây sẽ đảm bảo toàn dụng nhân công?

- a. Tiết kiệm bằng đầu tư
- b. Thuế bằng chi tiêu chính phủ
- c. Tiết kiệm + thuế + nhập khẩu = Đầu tư + Chi tiêu chính phủ + xuất khẩu
- d. Không có lựa chọn nào đúng.

75: Lý thuyết tiền lương hiệu quả cho rằng

- a. Trên thị trường lao động đang có dư cầu về lao động
- b. Doanh nghiệp cảm thấy có lợi hơn khi giữ cho tiền lương ở mức cao hơn mức làm cân bằng thị trường lao động ngay cả khi có tình trạng dư cung về lao động.
- c. Tiền lương mà người công nhân nhận được cao hơn mức công đoàn thương lượng với doanh nghiệp

76: Những người lao động thất vọng

- a. Được tính vào lực lượng lao động và góp phần làm tăng tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- b. Được tính vào lực lượng lao động và góp phần làm tăng tỷ lệ thất nghiệp không tự nguyện
- c. Nằm ngoài lực lượng lao động và không được phản ánh trong con số thống kê thất nghiệp
- d. Nằm ngoài lực lượng lao động và được tính vào tỷ lệ thất nghiệp tự nguyện

77: Điểm nào dưới đây sẽ được xem là tài sản cho một khách hàng của một ngân hàng thương mại?

- a. Tiền gửi Ngân hàng ở tài khoản vãng lai
- b. Tín phiếu thương mại do ngân hàng giữ làm tài sản dự trữ
- c. Số tiền rút quá mức tài khoản cá nhân cho phép
- d. Tiền cho vay ứng trước của ngân hàng thương mại này bằng USD

78: Khi chính phủ giảm thuế đánh vào các đầu vào nhập khẩu:

- a. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải b. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái
- c. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải d. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái
- e. Cả đường tổng cung và tổng cầu đều dịch chuyển sang phải

79: Sự kiện nào sau đây sẽ làm dịch chuyển đường tổng cung ngắn hạn, nhưng không làm dịch chuyển đường tổng cung dài hạn:

- a. Sự thay đổi khối lượng tư bản b. Sự thay đổi công nghệ
- c. Sự thay đổi tiền lương danh nghĩa d. Sự thay đổi cung về lao động
- e. Không có sự kiện nào thỏa mãn câu hỏi trên

80: Chính phủ trong một nền kinh tế chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ là 100 triệu USD và trợ cấp ở mức đến 10% thu nhập quốc dân. Tỷ lệ thuế trực thu là 30%.

Tại mức thu nhập nào, Chính phủ cân đối được ngân sách:

- a. 300 triệu USD
- b. 500 triệu USD
- c. 650 triệu USD
- d. 480 triệu USD

81: Chính phủ trong một nền kinh tế chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ là 100 triệu USD và trợ cấp ở

mức đến 10% thu nhập quốc dân. Tỷ lệ thuế trực thu là 30%.

Trong khung thu nhập nào, Chính phủ bị thâm hụt ngân sách:

- a. <300
- b. <500
- c. < 650

d. < 480

82: Chính phủ trong một nền kinh tế chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ là 100 triệu USD và trợ cấp ở mức đến 10% thu nhập quốc dân. Tỷ lệ thuế trực thu là 30%.

Trong khung thu nhập nào, Chính phủ có thặng dư ngân sách:

a. >300

b. >500

c. >650

d. > 480

83: Chính phủ trong một nền kinh tế chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ là 100 triệu USD và trợ cấp ở mức đến 10% thu nhập quốc dân. Tỷ lệ thuế trực thu là 30%.

Thâm hụt hay thặng dư của Chính phủ là bao nhiêu, nếu thu nhập tại điểm cân bằng là 400 triệu USD

a. Thặng dư 30 b. Thâm hụt 20 c. Thâm hụt 60 d. Thặng dư 50

84: Chính phủ trong một nền kinh tế chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ là 100 triệu USD và trợ cấp ở mức đến 10% thu nhập quốc dân. Tỷ lệ thuế trực thu là 30%.

Nếu thu nhập tại điểm toàn dụng nhân công là 750, ngân sách tại điểm đó bằng bao nhiêu?

a. 150

b. 180

c. 250

d. 100

85: Mô hình tăng trưởng Solow:

a. Chỉ ra ảnh hưởng của tiết kiệm, tỷ lệ tăng dân số và tiến bộ công nghệ tới sự tăng trưởng theo thời gian của sản lượng

b. Mô tả quá trình sản xuất, phân phối và phân bổ sản lượng của nền kinh tế tại một thời điểm nhất định.

c. Chỉ ra rằng tỷ lệ khấu hao là yếu tố then chốt quyết định khối lượng tư bản ở trạng thái dừng.

86: Theo mô hình Solow, một quốc gia dành tỷ lệ thu nhập cao cho tiết kiệm và đầu tư, nó sẽ:

a. Có khối lượng tư bản ở trạng thái vàng thấp hơn và thu nhập cao hơn

b. Dự báo tỷ lệ khấu hao là yếu tố then chốt quyết định một nước giàu hay nghèo

c. Có khối lượng tư bản ở trạng thái dừng lớn hơn và thu nhập cao hơn

87: Việt Nam tăng thuế nhập khẩu vàng từ 0.5% lên 1% và bỏ khung lãi suất trần VNĐ 12% khiến

cho:

a. Giá vàng trong nước tăng

b. Giá USD giảm

c. Tổng cầu sẽ tăng do mọi người kỳ vọng giá vàng sẽ tăng nên chi tiêu cho việc mua vàng tích trữ nhiều

hơn.

88: Khi $Y < Y^P$, khi nào nền kinh tế quốc gia tái thiết lập được cân đối bên trong?

a. Khi giá cả và tiền lương cứng nhắc

b. Khi giá cả và tiền lương linh hoạt

c. Trong dài hạn, nền kinh tế sẽ không tái thiết lập được cân đối bên trong

d. Trong ngắn hạn, cân đối bên trong được tái thiết lập và tổng cầu (sản lượng) giảm.

89: Năm 1914, Công ty Henry Pho (thương hiệu về đồ may mặc) trả cho công nhân 5\$/ngày, trong khi mức lương phổ biến trên thị trường đương thời là 2 – 3\$/ngày. Công ty này đã:

a. Chịu sự áp chế của luật tiền lương tối thiểu

- b. Công đoàn và thương lượng tập thể trong công ty đã quyết định mức lương
- c. Công ty áp dụng lý thuyết tiền lương hiệu quả.

90: Một lý do làm cho đường tổng cầu có độ dốc âm là:

- a. Mọi người tìm thấy những hàng hóa thay thế khi giá cả của một mặt hàng mà họ đang tiêu dùng tăng
- b. Dân cư trở nên khá giả hơn khi mức giá giảm và do đó sẵn sàng mua nhiều hàng hơn
- c. Mức giá thấp hơn làm tăng sức mua của lượng tiền mà mọi người đang nắm giữ, do đó họ sẽ tăng tiêu dùng
- d. Khi mức giá tăng, mọi người sẽ chuyển từ tiêu dùng hàng ngoại sang tiêu dùng hàng sản xuất trong nước.

91: Khi chính phủ tăng thuế đánh vào hàng tiêu dùng nhập khẩu

- a. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải b. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái
- c. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải d. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái

92: Khi OPEC tăng giá dầu thì:

- a. Tỷ lệ lạm phát ở các nước nhập khẩu dầu mỏ tăng
- b. GDP thực tế ở các nước nhập khẩu dầu mỏ giảm
- c. Thu nhập quốc dân được phân phối lại từ các nước nhập khẩu dầu sang các nước xuất khẩu dầu
- d. Tất cả các câu đều đúng
- e. Tất cả các câu đều sai

93: Trong một nền kinh tế đóng không có Chính phủ, tiêu dùng C và thu nhập Y liên hệ với nhau

bằng 1 hàm: $C = 400 \text{ triệu Bảng} +$; Tiết kiệm sẽ bằng 0 khi thu nhập quốc dân là:

- a. 0

- b. 100 triệu Bảng
- c. 300 Triệu Bảng
- d. 700 triệu Bảng
- e. 1600 triệu Bảng

94: Tất cả những điều sau thường dẫn tới tăng nhu cầu tiền trong giao dịch, trừ:

- a. Tăng nói chung trong giá cả hàng tiêu dùng
- b. Dự đoán giá hàng tiêu dùng tăng
- c. Tăng mức thu nhập
- d. Thuế suất tiêu chuẩn của thuế thu nhập tăng
- e. Tăng thuế suất đánh vào giá trị gia tăng

95: Nếu đầu tư gia tăng thêm một lượng 15 và xu hướng tiêu dùng biên là 0,8, khuynh hướng đầu

tư biên = 0. Mức sản lượng sẽ:

- a. Gia tăng thêm là 19
- b. Gia tăng thêm là 27
- c. Gia tăng thêm là 75
- d. Không có câu nào đúng

96: Điểm nào dưới đây không đẩy cán cân thanh toán của Việt Nam đến thặng dư trong tài khoản giao dịch?

- a. Tăng số lượng người đi nghỉ từ Pháp, Trung Quốc sang Việt Nam
- b. Tăng cổ tức đầu tư của Việt Nam vào Lào
- c. Tăng thu nhập từ xuất khẩu nhờ bán đồ cổ sang Mỹ
- d. Thuê ít phim Mỹ hơn để chiếu ở Việt Nam, chi phí cho mỗi cuốn phim giữ nguyên
- e. Bán những khoản đầu tư của Việt Nam ở ngành công nghiệp Campuchia.

97: Cán cân thanh toán của một quốc gia sẽ thay đổi khi:

- a. Lãi suất trong nước thay đổi c. Tỷ giá hối đoái thay đổi
- b. Sản lượng quốc gia thay đổi d. Các câu đều đúng

98: Tất cả những yếu tố dưới đây là bộ phận của thu nhập quốc dân, trừ:

- a. Tiền lương cảnh sát b. Tiền trả tù nhân cho công việc họ làm trong tù.
- c. Trợ cấp ốm đau. d. Lương của những người làm trong các tổ chức từ thiện.

99: Nếu GDP = 1000\$, tiêu dùng = 600\$, thuế = 100\$ và chi tiêu chính phủ = 200\$, thì:

- a. Tiết kiệm = 200\$, đầu tư = 200\$ b. Tiết kiệm = 300\$, đầu tư = 300\$
- c. Tiết kiệm = 100\$, đầu tư = 200\$ d. Tiết kiệm = 200\$, đầu tư = 100\$
- e. Tiết kiệm = 0\$, đầu tư = 0\$

100: Nếu công chúng giảm tiêu dùng 100 tỷ USD và chính phủ tăng chi tiêu 100 tỷ USD, các yếu tố khác không đổi, thì trường hợp nào sau đây đúng:

- a. Tiết kiệm tăng và nền kinh tế sẽ tăng trưởng nhanh hơn
- b. Tiết kiệm giảm và nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm hơn
- c. Tiết kiệm không đổi
- d. Chưa có đủ thông tin để kết luận sẽ có ảnh hưởng gì đến tiết kiệm hay không

1.b	2.d	3.d	4.a	5.c	6.c	7.c	8.d	9.d	10.d
11.d	12.d	13.b	14.d	15.a	16.b	17.d	18.b	19.d	20.d
21.d	22.b	23.d	24.a	25.d	26.b	27.a	28.b	29.b	30.c
31.d	32.a	33.d	34.c	35.a	36.b	37.d	38.a	39.c	40.b
41.b	42.e	43.a	44.c	45.c	46.b	47.b	48.c	49.d	50.d

51.e	52.d	53.c	54.d	55.b	56.a	57.d	58.b	59.c	60.a
61.c	62.d	63.a	64.a	65.d	66.d	67.a	68.c	69.d	70.b
71.a	72.e	73.d	74.d	75.b	76.c	77.a	78.c	79.c	80.b
81.b	82.b	83.b	84.a	85.a	86.c	87.a	88.b	89.c	90.b
91.a	92.d	93.e	94.d	95.c	96.e	97.d	98.c	99.d	100.a